

Số: /QĐ-SGDĐT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán kinh phí hoàn trả số học phí chênh lệch giữa mức mới và mức cũ của 4 tháng học kỳ I năm học 2022-2023

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 593/2015/QĐ-UBND ngày 02/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 6/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung kinh phí đợt 1 năm 2023;*

*Căn cứ Công văn số 1611/STC-HCSN ngày 19/6/2023 của Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang về việc thông báo bổ sung kinh phí đợt 1 năm 2023;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán hỗ trợ kinh phí để hoàn trả số học phí chênh lệch giữa mức mới và mức cũ của 4 tháng học kỳ I năm học 2022-2023 với tổng số tiền là 18.432.037.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ bốn trăm ba mươi hai triệu không trăm ba bảy nghìn đồng).

*Chi tiết đơn vị, số tiền tại phụ lục kèm theo.*

**Điều 2.** Căn cứ vào nhiệm vụ và kinh phí được giao, thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Tạ Việt Hùng**

**Phụ lục**  
**KINH PHÍ TRẢ LẠI HỌC PHÍ CHÈNH LỆCH GIỮA MỨC CŨ VÀ**  
**MỨC MỚI 4 THÁNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2023 của Sở GD&ĐT)

**Nguồn kinh phí chi thường xuyên**

*Đơn vị: nghìn đồng*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Chương loại khoản	Mã QHNS	Số tiền
	<b>Tổng cộng</b>			<b>18.432.037</b>
<b>I</b>	<b>Khối THPT</b>			<b>15.649.813</b>
1	Trường THPT Sơn Động số 1	422-070-074	1093052	64.205
2	Trường THPT Sơn Động số 2	422-070-074	1093056	38.285
3	Trường THPT Sơn Động số 3	422-070-074	1089921	24.697
4	Trường THPT Lục Ngạn số 1	422-070-074	1063007	231.818
5	Trường THPT Lục Ngạn số 2	422-070-074	1066611	161.383
6	Trường THPT Lục Ngạn số 3	422-070-074	1093176	434.257
7	Trường THPT Lục Ngạn số 4	422-070-074	1066712	70.950
8	Trường THPT Lục Nam	422-070-074	1061539	818.294
9	Trường THPT Phương Sơn	422-070-074	1061536	574.675
10	Trường THPT Cẩm Lý	422-070-074	1061548	354.822
11	Trường THPT Tứ Sơn	422-070-074	1063249	103.290
12	Trường THPT Yên Thế	422-070-074	1063240	572.796
13	Trường THPT Bố Hạ	422-070-074	1061538	561.406
14	Trường THPT Mỏ Trạng	422-070-074	1061543	59.954
15	Trường THPT Lạng Giang số 1	422-070-074	1063008	241.256
16	Trường THPT Lạng Giang số 2	422-070-074	1063005	835.481
17	Trường THPT Lạng Giang số 3	422-070-074	1063241	438.858
18	Trường THPT Tân Yên số 1	422-070-074	1063244	792.540
19	Trường THPT Tân Yên số 2	422-070-074	1063242	478.224
20	Trường THPT Nhã Nam	422-070-074	1061547	459.475
21	Trường THPT Hiệp Hoà số 1	422-070-074	1063245	

				748.188
22	Trường THPT Hiệp Hoà số 2	422-070-074	1063246	870.408
23	Trường THPT Hiệp Hoà số 3	422-070-074	1063252	432.702
24	Trường THPT Hiệp Hoà số 4	422-070-074	1093177	383.130
25	Trường THPT Việt Yên số 1	422-070-074	1061549	773.640
26	Trường THPT Việt Yên số 2	422-070-074	1063006	434.322
27	Trường THPT Lý Thường Kiệt	422-070-074	1066448	336.798
28	Trường THPT Yên Dũng số 1	422-070-074	1063247	700.560
29	Trường THPT Yên Dũng số 2	422-070-074	1063248	749.196
30	Trường THPT Yên Dũng số 3	422-070-074	1093175	376.890
31	Trường THPT Chuyên Bắc Giang	422-070-074	1063239	568.764
32	Trường THPT Ngô Sĩ Liên	422-070-074	1063243	805.342
33	Trường THPT Thái Thuận	422-070-074	1063237	733.824
34	Trường THPT Giáp Hải	422-070-074	1109592	419.382
<b>B</b>	<b>Khối Trung tâm</b>			<b>2.782.224</b>
35	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Sơn Động	422-070-075	1014658	21.265
36	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lục Ngạn	422-070-075	1015404	141.174
37	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lục Nam	422-070-075	1014869	437.018
38	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Lạng Giang	422-070-075	1079699	476.503
39	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Tân Yên	422-070-075	1013764	219.672
40	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Yên Dũng	422-070-075	1063236	355.572
41	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Việt Yên	422-070-075	1014861	320.004
42	Trung tâm GDNN- GDTX huyện Hiệp Hòa	422-070-075	1063009	645.624
43	Trung tâm GDTX -NNTH tỉnh Bắc Giang	422-070-075	1125195	165.391